TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 08/11/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST – DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST – DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976. (Có mặt)

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: 93 H/2, khu phố 1 B, phường AP, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4A, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2019, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 17/4/2018 bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H có cho bà Nguyễn Thị Kim A vay số tiền 90.000.000đ, khi vay hai bên có làm hợp đồng

vay ngày 17/4/2018, giấy này có bà L, ông H và bà Nguyễn Thị Kim A ký tên, được công chứng tại Văn phòng công chứng Thành Phố Mới, tỉnh Bình Dương. Với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 1%/01 tháng, tiền lãi được trả hàng tháng và thời gian trả lãi vào ngày 17 dương lịch hàng tháng. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng. Mục đích vay là để tiêu dùng. Từ ngày vay đến nay bà Kim A đã trả cho bà L và ông H được 09 tháng tiền lãi từ ngày 17/4/2018 đến ngày 17/01/2019, mỗi tháng bà Kim A trả cho vợ chồng bà L, ông H 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng 09 tháng bà Kim A đã trả cho bà L và ông H được 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng) tiền lãi, khi trả hai bên không làm giấy tờ gì. Từ sau ngày 17/01/2019 đến nay thì bà Kim A không trả cho bà L và ông H số tiền nợ gốc và lãi suất nào, cũng từ đó bà Kim A cắt liên lạc với bà L, ông H. Bà L, ông H không biết bà Kim A ở đâu, bà Kim A cũng không thông báo cho bà L, ông H biết về việc bà Kim A đổi chỗ ở mới.

Khi bà L và ông H cho bà Kim A vay tiền thì lúc này bà Kim A độc thân (Đã ly hôn chồng đã có quyết định của Tòa án, bà Kim A có cung cấp giấy xác nhận độc thân) nên bà L, ông H xác định đây là nợ riêng của bà Kim A.

Nay bà L, ông H yêu cầu bà Kim A phải trả cho bà L, ông H số tiền nợ gốc 90.000.000đ cộng lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng vay ngày 17/4/2018 là 1%/1 tháng tính từ ngày 18/01/2019 đến nay.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại các phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim A đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng tại các buổi làm việc cũng như tại các phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H với bà Nguyễn Thị Kim A, do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b, Khoản 2, Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng vay ngày 17/4/2018 được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Theo hợp đồng vay mà nguyên đơn cung cấp thì vào ngày 17/4/2018 vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H có cho bà Nguyễn Thị Kim A vay số tiền 90.000.000đ, khi vay hai bên có làm hợp đồng vay ngày 17/4/2018, giấy này có bà L, ông H và bà Nguyễn Thị Kim A ký tên, được công chứng tại Văn phòng công chứng Thành Phố Mới, tỉnh Bình Dương. Với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 1%/01 tháng, tiền lãi được trả hàng tháng và thời gian trả lãi vào ngày 17 dương lịch hàng tháng. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng. Như vậy đây là hợp đồng vay tài sản, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời gian cam kết trả nợ theo hợp đồng vay ngày 17/4/2018 là 06 tháng (từ ngày 17/4/2018 đến 17/10/2018). Mặc dù hợp đồng vay là 06 tháng nhưng đến hạn bà Kim A vẫn không trả tiền gốc cho bà L và ông H, nên bà Kim A tiếp tục đóng tiền lãi cho bà L, ông H thêm 03 tháng, tổng cộng bà Kim A đã trả cho bà L, ông H được 09 tháng, lãi suất 1%/1 tháng với số tiền 8.100.000đ, từ đó đến nay bà Kim A không trả cho cho bà L và ông H số tiền nợ gốc và lãi suất nào. Xét thấy việc trả lãi phát sinh là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Việc bà Nguyễn Thị Kim A không trả nợ đúng hạn là đã vi phạm cam kết trả nợ.

Số tiền lãi bà Kim A đã trả cho bà L, ông H; bà L, ông H không có yêu cầu gì. Bà Kim A vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét về số tiền lãi suất mà bà Kim A đã trả cho bà L, ông H.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn. Đồng thời bị đơn cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ nêu trên. Bà Kim A không đến theo giấy triệu tập của Tòa án là tự từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nay bà L, ông H khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc

90.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà L, ông H yêu cầu bà Kim A trả tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tính từ ngày 18/01/2019 cho đến khi Tòa án xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng vay tiền, sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng vay tiền ngày 17/4/2018 thì mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, đây là trường hợp tranh chấp hợp đồng vay có lãi và mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, tiền lãi bà Kim A phải trả cho bà L, ông H từ ngày 18/01/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 08/11/2019) là: 8.730.000đ (90.000.000đ x 1%/01 tháng x 09 tháng 21 ngày).

Do đó tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim A phải trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H là 98.730.000đ (90.000.000đ tiền gốc + 8.730.000đ tiền lãi).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Nguyễn Thị Kim A phải có trách nhiệm trả nợ nên bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466; Điều 468 và Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị Kim A về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H số tiền gốc là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và tiền lãi là 8.730.000đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 98.730.000đ (Chín mươi tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A phải nộp 4.936.500đ (Bốn triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000214 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kề từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo